

Số: 3780/BHXH-KHĐT

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

*V/v hướng dẫn thực hiện hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam*

**Kính gửi:** - Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  
- Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

*Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*- Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*- Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN;*

*- Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg phủ ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN;*

*- Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;*

*- Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*- Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/2/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước;*

*- Công văn số 4115/BHXH-TCKT ngày 20/10/2016 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn mua sắm thường xuyên;*

*- Công văn số 758/BHXH-KHĐT ngày 07/3/2018 của BHXH Việt Nam về việc báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán và quyết toán kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin;*

- Quyết định số 1588/QĐ-BHXH ngày 12/11/2018 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các đơn vị trong hệ thống BHXH;

- Quyết định số 1589/QĐ-BHXH ngày 12/11/2018 của Tổng Giám đốc BHXH về việc ban hành Quy chế mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trong ngành BHXH.

Để đảm bảo thống nhất trong tổ chức thực hiện, BHXH Việt Nam hướng dẫn cụ thể một số nội dung thực hiện hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngành BHXH Việt Nam như sau:

## **I. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi áp dụng**

1.1. Quy định quy trình thực hiện hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngành BHXH Việt Nam (bao gồm cả hoạt động theo phương thức mua sắm tập trung) sử dụng nguồn kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin; chi thường xuyên được BHXH Việt Nam giao dự toán hàng năm; kinh phí từ nguồn quỹ phát triển hoạt động của ngành BHXH Việt Nam; kinh phí từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các quỹ hợp pháp của đơn vị sự nghiệp theo quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

1.2. Văn bản này không áp dụng đối với hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển quy định tại Khoản 9 Điều 9 Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg.

### **2. Đối tượng áp dụng**

Đơn vị trong Ngành BHXH Việt Nam có liên quan đến thực hiện các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin được quy định tại điểm 1.1, khoản 1 mục I Công văn này.

## **II. Phân loại hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin**

### **1. Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án**

1.1. Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin mua sắm quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (gọi tắt là hoạt động mua sắm), gồm:

a) Mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện có.

b) Mua sắm thiết bị không cần lắp đặt, phần mềm thương mại; bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm; quản lý vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin, dịch vụ an ninh mạng, an toàn thông tin.

c) Tạo lập, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu; bảo đảm hoạt động cho công/trang thông tin điện tử.

d) Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có mức kinh phí từ 200 triệu đồng trở xuống để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu.

e) Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên để khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc thực thi nhiệm vụ giải quyết sự cố theo yêu cầu của Quốc hội, Chính

phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc yêu cầu nghiệp vụ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.

1.2. Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin lập đề cương và dự toán chi tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (gọi tắt là hoạt động lập đề cương và dự toán chi tiết), gồm:

Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có mức kinh phí trên 200 triệu đồng đến 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu.

1.3. Hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin được quy định tại Điều 52 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, gồm:

a) Hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường theo khoản 3 Điều 3 và khoản 1 Điều 52 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (gọi tắt là hoạt động thuê dịch vụ có sẵn).

b) Hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường theo khoản 4 Điều 3 và khoản 2 Điều 52 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (gọi tắt là hoạt động thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng).

## **2. Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phải lập dự án**

Hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin lập dự án quy định tại khoản 3 Điều 51 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (gọi tắt là hoạt động lập dự án), gồm: hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin có mức kinh phí trên 15 tỷ đồng để thiết lập mới, mở rộng hoặc nâng cấp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu.

## **III. Nguyên tắc chung**

1. Tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải thuộc chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam phê duyệt chủ trương bằng văn bản (trừ hoạt động không phải phê duyệt chủ trương).

3. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải tuân thủ tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng tài sản hiện hành: trong phạm vi dự toán được giao và nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và có hiệu quả.

Đối với tài sản là máy chủ, hệ thống lưu trữ chuyên dùng, thiết bị và giải pháp đảm bảo an toàn thông tin và thiết bị mạng, phải có ý kiến của Trung tâm Công nghệ thông tin về tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi thực hiện việc đầu tư, mua sắm.

4. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải bảo đảm tính đồng bộ, hiện đại phù hợp với yêu cầu, nội dung hoạt động và cải cách hành chính, chuyển đổi số trong ngành BHXH.

5. Việc mua sắm, thuê dịch vụ phải tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định pháp luật có liên quan.

6. Việc quyết toán dự án hoàn thành phải được thực hiện ngay sau khi hoàn thành hoạt động (thời gian chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán trình phê duyệt tối đa 06 tháng đối với dự án nhóm B, 04 tháng đối với dự án nhóm C), đảm bảo tổng hợp đầy

đủ, chính xác chi phí hợp pháp thực hiện trong phạm vi dự án, dự toán được duyệt và hợp đồng đã ký kết (đối với những công việc thực hiện theo hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Chi phí đầu tư được quyết toán phải nằm trong giới hạn tổng mức đầu tư được duyệt hoặc được điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật; phù hợp với nguồn vốn được đầu tư.

#### **IV. Quy trình thực hiện hoạt động mua sắm**

##### **1. Đối với hoạt động mua sắm trong phạm vi quản lý của đơn vị**

###### **1.1. Thẩm quyền quyết định mua sắm**

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 16, Điều 41 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị trong hệ thống BHXH ban hành kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-BHXH ngày 12/11/2018 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

b) Trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin phê duyệt đối với hoạt động mua sắm trong phạm vi quản lý của đơn vị sử dụng nguồn kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin; kinh phí từ nguồn quỹ phát triển hoạt động của ngành BHXH Việt Nam; kinh phí từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các quỹ hợp pháp của đơn vị sự nghiệp theo quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực tài chính, kế toán phê duyệt đối với hoạt động mua sắm trong phạm vi quản lý của đơn vị sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên được BHXH Việt Nam giao dự toán hàng năm.

###### **1.2. Quy trình, hồ sơ, thời gian, thực hiện**

Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 17, Điều 42 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị trong hệ thống BHXH ban hành kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-BHXH ngày 12/11/2018 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Mục I, Mục II, Mục III, Mục IV Phần B Công văn số 4115/BHXH-TCKT ngày 20/10/2016 của BHXH Việt Nam về hướng dẫn mua sắm thường xuyên trong Ngành.

###### **1.3. Trách nhiệm thẩm định**

Trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc:

a) Đối với hoạt động mua sắm trong phạm vi quản lý của đơn vị sử dụng nguồn kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin; kinh phí từ nguồn quỹ phát triển hoạt động của ngành BHXH Việt Nam; kinh phí từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các quỹ hợp pháp của đơn vị sự nghiệp theo quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Vụ Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối trình phê duyệt chủ trương mua sắm.

b) Đối với hoạt động mua sắm trong phạm vi quản lý của đơn vị sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên được BHXH Việt Nam giao dự toán hàng năm: Vụ Tài chính - Kế toán là đơn vị đầu mối trình phê duyệt chủ trương mua sắm.

c) Trung tâm Công nghệ thông tin thẩm định về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với tài sản là máy chủ, hệ thống lưu trữ chuyên dùng, thiết bị và giải pháp đảm bảo an toàn thông tin và thiết bị mạng trước khi thực hiện việc mua sắm.

##### **2. Đối với hoạt động mua sắm phạm vi ngành**

## 2.1. Thẩm quyền quyết định mua sắm

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị trong hệ thống BHXH ban hành kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-BHXH ngày 12/11/2018 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

### b) Thẩm quyền phê duyệt

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin phê duyệt kế hoạch mua sắm.

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách đơn vị được giao triển khai thực hiện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

## 2.2. Quy trình, hồ sơ, thời gian, thực hiện

Thực hiện như quy định tại Điều 2 và Mục 2 Chương II Quy chế mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trong ngành BHXH ban hành kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-BHXH ngày 12/11/2018 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam, quy định của pháp luật về mua sắm tập trung.

Đối với hoạt động mua sắm phục vụ nhiệm vụ chung toàn Ngành và tại các Trung tâm dữ liệu, Trung tâm Công nghệ thông tin chủ trì thực hiện khảo sát đánh giá hiện trạng; lập đề xuất nhu cầu (không cần thực hiện bước tổng hợp nhu cầu từ các đơn vị); xây dựng, trình phê duyệt kế hoạch mua sắm tập trung.

## 2.3. Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm và đưa vào sử dụng

### a) Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm và đưa vào sử dụng

a<sub>1</sub>) Đơn vị chỉ tiến hành nghiệm thu sau khi nhà thầu thực hiện hợp đồng bàn giao đúng, đầy đủ: (i) hàng hóa hoặc hoàn thành việc lắp đặt các hệ thống thiết bị (đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa yêu cầu lắp đặt đầu nối hạ tầng), (ii) các giấy tờ, tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa theo quy định của Hợp đồng (hoặc Phụ lục điều chỉnh hợp đồng, nếu có); và hoàn thành việc chuyển giao công nghệ, đào tạo, hướng dẫn sử dụng, vận hành máy móc, thiết bị.

a<sub>2</sub>) Trách nhiệm của các đơn vị trong nghiệm thu, bàn giao sản phẩm và đưa vào sử dụng

- Đơn vị chủ trì mua sắm: tổ chức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm và đưa vào sử dụng; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tổng Giám đốc về tính khách quan, minh bạch, trung thực, độ chính xác của kết quả nghiệm thu. Trường hợp được triển khai trên phạm vi toàn quốc tại nhiều địa điểm khác nhau (BHXH Việt Nam, BHXH tỉnh, BHXH huyện), trường hợp sản phẩm đòi hỏi có yêu cầu cao về kỹ thuật, có ảnh hưởng tới hệ thống hạ tầng của ngành, cần được đảm bảo an toàn thông tin, đơn vị chủ trì mua sắm xây dựng kế hoạch nghiệm thu, bàn giao sản phẩm, có văn bản đề nghị Trung tâm Công nghệ thông tin:

+ Tham gia vận hành thử đối với sản phẩm là hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, phần mềm thương mại.

+ Tham gia quá trình kiểm thử vận hành thử đối với sản phẩm là phần mềm nội bộ.

- Trung tâm Công nghệ thông tin: Có trách nhiệm tham gia vận hành thử (đối với sản phẩm là hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, phần mềm thương mại) hoặc tham gia quá trình kiểm thử vận hành thử (đối với sản phẩm là phần mềm nội bộ) trong trường

hợp được triển khai trên phạm vi nhiều địa điểm khác nhau trên toàn quốc (BHXH Việt Nam, BHXH tỉnh, BHXH huyện). Trường hợp Trung tâm Công nghệ thông tin không tham gia phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc khi có sự cố xảy ra làm ảnh hưởng đến hệ thống công nghệ thông tin toàn ngành.

- Các đơn vị chuyên môn khác: tham gia quá trình nghiệm thu kiểm thử hoặc vận hành thử về quy trình nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### **2.4. Quyết toán hoạt động mua sắm**

Ngay sau khi hoàn thành việc mua sắm tài sản và thanh lý hợp đồng (nếu có), đơn vị chủ trì mua sắm có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc quyết toán theo hướng dẫn tại khoản 1 Mục II Công văn số 758/BHXH-KHĐT ngày 07/3/2018 của BHXH Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Kiểm tra, kiểm soát hồ sơ mua sắm tài sản (gồm hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ đấu thầu và hồ sơ kế toán) đảm bảo hồ sơ đầy đủ theo yêu cầu và lưu trữ theo đúng quy định của chế độ lưu trữ chứng từ hiện hành.

c) Quyết toán kinh phí và phê duyệt quyết toán hoàn thành: (i) Tổng hợp vào Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của chế độ kế toán tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; (ii) Trên cơ sở báo cáo quyết toán hoàn thành, Thủ trưởng đơn vị giao Phòng/bộ phận chuyên môn trực thuộc tổng hợp, trình phê duyệt quyết toán hoàn thành. Nội dung chủ yếu của quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành, gồm: Thông tin chung về hoạt động quyết toán; kết quả quyết toán (nguồn kinh phí, chi phí quyết toán, giá trị tài sản hình thành, đơn vị quản lý tài sản, các khoản công nợ); trách nhiệm của các đơn vị.

### **V. Quy trình thực hiện hoạt động lập đề cương và dự toán chi tiết**

#### **1. Đối với hoạt động lập đề cương và dự toán chi tiết trong phạm vi quản lý của đơn vị**

##### **1.1. Thẩm quyền quyết định, phê duyệt**

a) Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT và Điều 11, Điều 16, Điều 41 Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị trong hệ thống BHXH ban hành kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-BHXH ngày 12/11/2018 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

b) Trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin phê duyệt đối với hoạt động mua sắm trong phạm vi quản lý của đơn vị sử dụng nguồn kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin; kinh phí từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các quỹ hợp pháp của đơn vị sự nghiệp theo quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực tài chính, kế toán phê duyệt đối với hoạt động mua sắm trong phạm vi quản lý của đơn vị sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên được BHXH Việt Nam giao dự toán hàng năm.

##### **1.2. Quy trình, hồ sơ, thời gian, thực hiện**

Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 7, Điều 8 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Mục I, Mục II, Mục III, Mục IV Phần B Công văn số 4115/BHXX-TCKT ngày 20/10/2016 của BHXX Việt Nam về hướng dẫn mua sắm thường xuyên trong Ngành.

### 1.3. Trách nhiệm thẩm định

Trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc:

a) Đối với hoạt động mua sắm trong phạm vi quản lý của đơn vị sử dụng nguồn kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin; kinh phí từ nguồn quỹ phát triển hoạt động của ngành BHXX Việt Nam; kinh phí từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các quỹ hợp pháp của đơn vị sự nghiệp theo quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Vụ Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối trình phê duyệt chủ trương mua sắm.

b) Đối với hoạt động mua sắm trong phạm vi quản lý của đơn vị sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên được BHXX Việt Nam giao dự toán hằng năm: Vụ Tài chính - Kế toán là đơn vị đầu mối trình phê duyệt chủ trương mua sắm.

c) Trung tâm Công nghệ thông tin thẩm định phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ trước khi phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết.

## 2. Đối với hoạt động lập đề cương và dự toán chi tiết phạm vi ngành

### 2.1. Thẩm quyền phê duyệt

a) Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin phê duyệt:

- Chủ trương đầu tư (bao gồm cả quyết định điều chỉnh nếu có).
- Đề cương và dự toán chi tiết (bao gồm cả quyết định điều chỉnh nếu có).
- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện nhiệm vụ (bao gồm cả điều chỉnh nếu có).

b) Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ phê duyệt:

- Dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- Quyết toán hoạt động hoàn thành.

### 2.2. Quy trình hồ sơ, thời gian, thực hiện

a) Lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư: thực hiện theo hướng dẫn tại điểm 2.1, khoản 2, Mục VII Công văn này.

b) Lập, thẩm định, phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết

b<sub>1</sub>) Lập đề cương và dự toán chi tiết

Đơn vị chủ trì nhiệm vụ thực hiện lập đề cương và dự toán chi tiết theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT, gửi về Vụ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

b<sub>2</sub>) Trách nhiệm thẩm định

- Vụ Kế hoạch và Đầu tư: là đơn vị đầu mối thẩm định; thẩm định dự toán và các nội dung khác của đề cương và dự toán chi tiết. Thời gian thẩm định không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị đầu mối thẩm định nhận được đủ hồ sơ hợp lệ và không bao gồm thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian thẩm định bao gồm thời gian lấy ý

kiến của đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin và các đơn vị chuyên môn khác về quy trình nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao (nếu có). Trường hợp cần yêu cầu bổ sung hoặc giải trình thêm về nội dung đề cương và dự toán chi tiết, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Vụ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu đơn vị chủ trì lập đề cương và dự toán chi tiết bổ sung hoặc giải trình. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu bổ sung hoặc giải trình, đơn vị chủ trì có văn bản bổ sung hoặc giải trình gửi về Vụ Kế hoạch và Đầu tư. Thời gian thẩm định được tính từ khi có đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- Trung tâm Công nghệ thông tin: là đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin; thẩm định thiết kế (nếu có), phương án, giải pháp kỹ thuật công nghệ của đề cương và dự toán chi tiết. Trường hợp Trung tâm Công nghệ thông tin là đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ, Trung tâm Công nghệ thông tin thành lập hội đồng thẩm định chuyên môn về công nghệ thông tin để thẩm định thiết kế (nếu có), phương án, giải pháp kỹ thuật công nghệ. Thời gian thẩm định thiết kế (nếu có), phương án, giải pháp kỹ thuật công nghệ không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Các đơn vị chuyên môn khác: tham gia ý kiến về quy trình nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo đề nghị của Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

- Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ: hoàn chỉnh đề cương và dự toán chi tiết theo kết quả tổng hợp thẩm định (bao gồm cả ý kiến của các đơn vị liên quan), giải trình cụ thể những nội dung không tiếp thu (nếu có).

#### b<sub>3</sub>) Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết

- Trên cơ sở kết quả thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định, tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan, Vụ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất và trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại tiết a, điểm 2.1, khoản 2 Mục V Công văn này phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết.

- Thời gian phê duyệt: không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### b<sub>4</sub>) Đối với chi phí thuê tư vấn (nếu có) phục vụ lập đề cương và dự toán chi tiết:

Thủ trưởng đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ quyết định sự cần thiết, phê duyệt dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC.

#### c) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ

- Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Đơn vị chủ trì nhiệm vụ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại tiết a, điểm 2.1, khoản 2 Mục V Công văn này phê duyệt. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được lập sau khi có quyết định phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết hoặc đồng thời với quá trình lập đề cương và dự toán chi tiết.

- Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Vụ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện, trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại tiết a, điểm 2.1, khoản 2 Mục V phê duyệt.

- Đơn vị chủ trì nhiệm vụ thực hiện mua sắm theo quy định pháp luật về mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước theo hướng dẫn tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC.



d) Các nội dung khác: nghiệm thu, bàn giao sản phẩm và đưa vào sử dụng; quyết toán hoạt động: thực hiện như đối với quy trình tại điểm 2.3, điểm 2.4, khoản 2 Mục IV Công văn này.

## **VI. Quy trình thực hiện hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin**

### **1. Đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường**

1.1. Quy trình thực hiện hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trong phạm vi đơn vị: thực hiện như đối với quy trình khoản 1 Mục IV Công văn này.

1.2. Quy trình thực hiện hoạt động thuê dịch vụ sẵn có phạm vi ngành: thực hiện như đối với quy trình khoản 2 Mục IV Công văn này.

### **2. Đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường (thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng)**

#### **2.1. Thẩm quyền phê duyệt**

##### **a) Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin phê duyệt**

- Chủ trương đầu tư (bao gồm cả điều chỉnh nếu có).
- Kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng (bao gồm cả quyết định điều chỉnh nếu có).
- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (bao gồm cả điều chỉnh nếu có).

##### **b) Trường hợp xây dựng thử nghiệm dịch vụ**

- Phó Tổng Giám đốc phụ trách đơn vị có nhu cầu thuê dịch vụ phê duyệt chủ trương thử nghiệm dịch vụ, phê duyệt đơn vị chủ trì thử nghiệm dịch vụ.
- Phó Tổng Giám đốc phụ trách đơn vị chủ trì thử nghiệm dịch vụ phê duyệt đơn vị thử nghiệm dịch vụ và kết quả thử nghiệm dịch vụ.

##### **c) Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thuê dịch vụ phê duyệt**

- Dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ (trường hợp cần thiết thuê tư vấn phục vụ lập kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng).

- Quyết toán hoạt động hoàn thành.

#### **2.2. Quy trình hồ sơ, thời gian, thực hiện**

##### **a) Lập kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng**

a<sub>1</sub>) Đơn vị lập kế hoạch theo yêu cầu riêng trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại tiết a, điểm 2.1, khoản 2 Mục VI phê duyệt trước 31 tháng 12 hàng năm theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

- Thời gian thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng không quá 20 ngày kể từ ngày đơn vị đầu mối thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng bao gồm thời gian lấy ý kiến thẩm định của đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin (Mẫu số 08) và các đơn vị chuyên môn khác về quy trình nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao (nếu có). Trường hợp cần yêu cầu bổ sung hoặc giải trình thêm về nội dung kế hoạch thuê, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, đơn vị đầu mối thẩm định có văn bản yêu cầu chủ trì thuê bổ sung hoặc giải trình. Trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu

cầu bổ sung hoặc giải trình thêm về nội dung kế hoạch thuê, chủ trì thuê có văn bản bổ sung hoàn thiện hoặc giải trình hồ sơ, gửi về đơn vị đầu mối thẩm định.

Trường hợp Trung tâm Công nghệ thông tin là chủ trì thuê, Trung tâm Công nghệ thông tin thành lập hội đồng thẩm định chuyên môn về công nghệ thông tin để thẩm định các nội dung của kế hoạch thuê (Mẫu số 08) theo khoản 2 Điều 54 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP (trừ dự toán). Thời gian thẩm định của đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thời gian phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng không quá 10 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

a<sub>2</sub>) Nội dung kế hoạch theo yêu cầu riêng: thực hiện theo quy định tại Điều 54, 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

#### b) Kiểm thử hoặc vận hành thử

b<sub>1</sub>) Dịch vụ theo yêu cầu riêng phải được kiểm thử hoặc vận hành thử trước khi chính thức đưa vào sử dụng nhằm bảo đảm đáp ứng các yêu cầu của kế hoạch thuê. Dịch vụ theo yêu cầu riêng sau khi được nhà thầu cung cấp dịch vụ bổ sung, hoàn thiện phải được chủ trì thuê tổ chức kiểm thử hoặc vận hành thử lại. Quá trình này chỉ kết thúc khi dịch vụ theo yêu cầu riêng đáp ứng các yêu cầu về chất lượng dịch vụ và yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cần đáp ứng.

#### b<sub>2</sub>) Trách nhiệm của các đơn vị trong kiểm thử hoặc vận hành thử

- Chủ trì thuê dịch vụ: tổ chức việc kiểm thử hoặc vận hành thử dịch vụ theo yêu cầu riêng. Kết quả kiểm thử hoặc vận hành thử phải được lập thành văn bản và được gọi là báo cáo kết quả kiểm thử hoặc vận hành thử. Trường hợp sản phẩm đòi hỏi có yêu cầu cao về kỹ thuật, có ảnh hưởng tới hệ thống hạ tầng của ngành, cần được đảm bảo an toàn thông tin, chủ trì thuê dịch vụ xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm thử hoặc vận hành thử gửi Trung tâm Công nghệ thông tin:

(i) Tham gia vận hành thử đối với sản phẩm là hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, phần mềm thương mại.

(ii) Tham gia quá trình kiểm thử hoặc vận hành thử đối với sản phẩm là phần mềm nội bộ.

- Trung tâm Công nghệ thông tin: Có trách nhiệm tham gia kiểm thử hoặc vận hành thử trong trường hợp được triển khai trên phạm vi toàn quốc tại nhiều địa điểm khác nhau (BHXH Việt Nam, BHXH tỉnh, BHXH huyện). Trường hợp Trung tâm Công nghệ thông tin không tham gia phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc khi có sự cố xảy ra làm ảnh hưởng đến hệ thống công nghệ thông tin toàn ngành.

- Các đơn vị chuyên môn khác: tham gia quá trình nghiệm thu kiểm thử hoặc vận hành thử về quy trình nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### 2.3. Quyết toán

Ngay sau khi hoàn thành việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin và thanh lý hợp đồng (nếu có), chủ trì thuê dịch vụ có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc quyết toán theo hướng dẫn tại khoản 1 mục II Công văn số 758/BHXH-KHĐT ngày 07/3/2018 của BHXH Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Kiểm tra, kiểm soát hồ sơ mua sắm tài sản (gồm hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ đấu thầu và hồ sơ kế toán) đảm bảo hồ sơ đầy đủ theo yêu cầu và lưu trữ theo đúng quy định của chế độ lưu trữ chứng từ hiện hành.

c) Quyết toán kinh phí và phê duyệt quyết toán hoàn thành: (i) Tổng hợp vào Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của chế độ kế toán tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; (ii) Trên cơ sở báo cáo quyết toán hoàn thành, Thủ trưởng đơn vị giao Phòng/bộ phận chuyên môn trực thuộc tổng hợp, trình phê duyệt quyết toán hoàn thành. Nội dung chủ yếu của quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành, gồm: Thông tin chung về hoạt động quyết toán; kết quả quyết toán (nguồn kinh phí, chi phí quyết toán, giá trị tài sản hình thành, đơn vị quản lý tài sản, các khoản công nợ); trách nhiệm của các đơn vị.

2.4. Trường hợp cần thiết, các đơn vị có nhu cầu thuê dịch vụ CNTT xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tại tiết b, điểm 2.1, khoản 2 Mục VI phê duyệt để lựa chọn tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đề xuất giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ; xây dựng thử nghiệm dịch vụ.

Các tổ chức, cá nhân xây dựng thử nghiệm dịch vụ chịu mọi chi phí phát sinh (nếu có). Sau khi thử nghiệm thành công, xác định được giải pháp kỹ thuật công nghệ, chi phí, các đơn vị thuê dịch vụ tiến hành các thủ tục theo hướng dẫn tại điểm 2.2, điểm 2.3 và điểm 2.5 khoản 2 Mục này. Quy trình triển khai thực hiện theo Phụ lục II Công văn này.

#### 2.5. Các nội dung khác

Việc lập, thẩm định phê duyệt chủ trương thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng; thẩm định, phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng; lập, thẩm định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu: thực hiện như đối với dự án đầu tư, hướng dẫn tại Mục VII Công văn này.

### **VII. Quy trình thực hiện hoạt động lập dự án**

#### **1. Thẩm quyền phê duyệt**

1.1. Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin phê duyệt

a) Chủ trương đầu tư dự án (bao gồm cả quyết định điều chỉnh nếu có).

b) Dự án (bao gồm cả quyết định điều chỉnh nếu có).

c) Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện dự án (bao gồm cả điều chỉnh nếu có).

1.2. Trường hợp xây dựng thử nghiệm dịch vụ

a) Phó Tổng Giám đốc phụ trách đơn vị có nhu cầu thuê dịch vụ phê duyệt chủ trương thử nghiệm dịch vụ, phê duyệt đơn vị chủ trì thử nghiệm dịch vụ.

b) Phó Tổng Giám đốc phụ trách đơn vị chủ trì thử nghiệm dịch vụ phê duyệt đơn vị thử nghiệm dịch vụ và kết quả thử nghiệm dịch vụ.

1.3. Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực kế hoạch, đầu tư phát triển phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

1.4. Thủ trưởng đơn vị được giao làm chủ đầu tư Phê duyệt

a) Dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

b) Thiết kế chi tiết dự án (trường hợp thiết kế 2 bước).

## **2. Quy trình hồ sơ, thời gian, thực hiện**

2.1. Lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư: thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP

a) Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: đơn vị được giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, gửi về Vụ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 5 hàng năm. Việc xác định sơ bộ tổng mức đầu tư đối với dự án trong nội dung báo cáo đề xuất chủ trương thực hiện theo phương pháp so sánh hoặc phương pháp chuyên gia hoặc theo báo giá thị trường hoặc kết hợp các phương pháp hoặc căn cứ theo kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được duyệt. Nội dung trình, nội dung báo cáo chủ trương đầu tư theo mẫu biểu hướng dẫn tại Phụ lục số I.

b) Trách nhiệm thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư:

- Vụ Kế hoạch và Đầu tư: là đơn vị đầu mối thẩm định; thẩm định sơ bộ tổng mức kinh phí và các nội dung khác của Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. Thời gian thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C không quá 30 ngày kể từ ngày đơn vị đầu mối thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư bao gồm thời gian lấy ý kiến thẩm định của đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin và các đơn vị chuyên môn khác về quy trình nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao (nếu có). Trường hợp cần yêu cầu bổ sung hoặc giải trình thêm về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Vụ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung hoặc giải trình. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu bổ sung hoặc giải trình thêm về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, chủ đầu tư có văn bản gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung hoặc giải trình thêm.

- Trung tâm Công nghệ thông tin: là đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin; thẩm định thiết kế, phương án, giải pháp kỹ thuật công nghệ. Trường hợp Trung tâm Công nghệ thông tin là đơn vị chủ trì lập Báo cáo đề xuất chủ trương, Trung tâm Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm về thiết kế, phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ. Thời gian thẩm định thiết kế, phương án, giải pháp kỹ thuật công nghệ không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Vụ Tài chính - Kế toán: là đơn vị thẩm định về nguồn kinh phí và khả năng cân đối kinh phí (đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng các nguồn kinh phí khác ngoài nguồn chi ứng dụng CNTT), tham gia ý kiến về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và đơn giá mua sắm của tài sản, dịch vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước về tiêu chuẩn, định mức.

- Đơn vị chủ trì lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo kết quả tổng hợp thẩm định (bao gồm cả ý kiến của các đơn vị liên quan), giải trình cụ thể những nội dung không tiếp thu (nếu có).

c) Phê duyệt chủ trương đầu tư: Trên cơ sở kết quả thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định, tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan, Vụ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất và trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Mục VII phê duyệt chủ

trương đầu tư. Thời gian phê duyệt chủ trương đầu tư không quá 10 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

## 2.2. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án

a) Lập dự án: chủ đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 10, Điều 16, Điều 19, khoản 1 Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, gửi về Vụ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 10 hàng năm.

b) Trách nhiệm thẩm định dự án:

- Vụ Kế hoạch và Đầu tư: là đơn vị đầu mối thẩm định; thẩm định tổng mức đầu tư và các nội dung khác của dự án. Thời gian thẩm định dự án nhóm B, C không quá 30 ngày kể từ ngày đơn vị đầu mối thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian thẩm định báo cáo dự án bao gồm thời gian lấy ý kiến thẩm định của đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin và các đơn vị chuyên môn khác về quy trình nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao (nếu có). Trường hợp cần yêu cầu bổ sung hoặc giải trình thêm về dự án, trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Vụ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu chủ đầu tư bổ sung hoặc giải trình. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu bổ sung hoặc giải trình thêm về dự án, chủ đầu tư có văn bản gửi Vụ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung hoặc giải trình thêm.

- Trung tâm Công nghệ thông tin: là đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin thẩm định thiết kế. Trường hợp Trung tâm Công nghệ thông tin là chủ đầu tư, Trung tâm Công nghệ thông tin thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế. Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp thiết kế 2 bước)/thiết kế chi tiết (trường hợp lập báo cáo kinh tế kỹ thuật) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ không quá 15 ngày đối với dự án nhóm B, không quá 10 ngày đối với dự án nhóm C.

- Các đơn vị chuyên môn khác: tham gia ý kiến về quy trình nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và theo đề nghị của Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ đầu tư: hoàn chỉnh dự án theo kết quả tổng hợp thẩm định (bao gồm cả ý kiến của các đơn vị liên quan), giải trình cụ thể những nội dung không tiếp thu (nếu có).

c) Phê duyệt dự án: Trên cơ sở kết quả thẩm định, tổng hợp kết quả thẩm định, tổng hợp ý kiến của các đơn vị liên quan, Vụ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất và trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Mục VII Công văn này phê duyệt dự án. Thời gian phê duyệt dự án không quá 10 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Đối với chi phí thuê tư vấn (nếu có) phục vụ lập dự án: Chủ đầu tư quyết định sự cần thiết, phê duyệt dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC.

## 2.3. Lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện dự án

a) Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện dự án. Trường hợp chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho toàn bộ dự án, kế hoạch thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng thì lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho một hoặc một số gói thầu để thực hiện trước.

b) Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Vụ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thực hiện dự án, trình cấp có thẩm quyền theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Mục VII Công văn này phê duyệt.

c) Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật về mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước theo hướng dẫn tại Thông tư số 58/2016/TT-BTC.

#### 2.4. Lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế chi tiết dự án

a) Chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế chi tiết dự án (trường hợp thiết kế 2 bước) theo quy định tại Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Thời gian thẩm định thiết kế chi tiết kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B, không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C. Thời gian phê duyệt thiết kế chi tiết dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ không quá 10 ngày đối với dự án nhóm B, không quá 05 ngày đối với dự án nhóm C.

b) Chủ đầu tư lấy ý kiến góp ý của Trung tâm Công nghệ thông tin về thiết kế chi tiết, các đơn vị chuyên môn có liên quan về quy trình nghiệp vụ (nếu có) trước khi phê duyệt. Thời gian tham gia ý kiến không quá 08 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### 2.5. Kiểm thử hoặc vận hành thử

a) Sản phẩm của dự án phải được kiểm thử hoặc vận hành thử tại ít nhất một đơn vị thụ hưởng trước khi tiến hành nghiệm thu. Sản phẩm của dự án sau khi được nhà thầu bổ sung, hoàn thiện phải được chủ đầu tư tổ chức kiểm thử hoặc vận hành thử lại. Quá trình này chỉ kết thúc khi sản phẩm đáp ứng yêu cầu chất lượng. Việc kiểm thử hoặc vận hành thử thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 10 Thông tư số 24/2020/TT-BTTTT ngày 09/9/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về công tác triển khai, giám sát công tác triển khai và nghiệm thu dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Trách nhiệm của các đơn vị trong kiểm thử hoặc vận hành thử

b<sub>1</sub>) Chủ đầu tư: tổ chức việc kiểm thử hoặc vận hành thử sản phẩm của dự án. Kết quả kiểm thử hoặc vận hành thử phải được lập thành văn bản và được gọi là báo cáo kết quả kiểm thử hoặc vận hành thử. Trường hợp chủ đầu tư xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm thử hoặc vận hành thử tại nhiều đơn vị sử dụng, chủ đầu tư xây dựng và triển khai thực hiện phương án kiểm thử hoặc vận hành thử bảo đảm chất lượng và yêu cầu kỹ thuật cần đáp ứng. Trường hợp sản phẩm đòi hỏi có yêu cầu cao về kỹ thuật, có ảnh hưởng tới hệ thống hạ tầng của ngành, cần được đảm bảo an toàn thông tin, chủ đầu tư xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm thử hoặc vận hành thử gửi Trung tâm Công nghệ thông tin:

- Tham gia vận hành thử đối với sản phẩm là hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thiết bị, phần mềm thương mại.

- Tham gia quá trình kiểm thử hoặc vận hành thử đối với sản phẩm là phần mềm nội bộ.

b<sub>2</sub>) Trung tâm Công nghệ thông tin: Có trách nhiệm tham gia kiểm thử hoặc vận hành thử trong trường hợp được triển khai trên phạm vi toàn quốc tại nhiều địa điểm (BHXH Việt Nam, BHXH tỉnh, BHXH huyện). Trường hợp Trung tâm Công nghệ thông tin không tham gia phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc khi có sự cố xảy ra làm ảnh hưởng đến hệ thống công nghệ thông tin toàn ngành.

b<sub>3</sub>) Các đơn vị chuyên môn khác: tham gia quá trình nghiệm thu kiểm thử hoặc vận hành thử về quy trình nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

## 2.6. Nghiệm thu, bàn giao sản phẩm và đưa vào sử dụng

a) Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án với sự tham gia của các tổ chức, cá nhân tư vấn, cung cấp thiết bị, triển khai và cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án vào khai thác sử dụng đạt yêu cầu và được các bên tham gia nghiệm thu chấp thuận, ký kết biên bản nghiệm thu, Chủ đầu tư phải gửi Báo cáo hoàn thành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án cùng danh mục hồ sơ hoàn thành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án cho Trung tâm Công nghệ thông tin để theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ các quy định của pháp luật khi cần thiết.

c) Trách nhiệm của các đơn vị trong nghiệm thu, bàn giao sản phẩm và đưa vào sử dụng

Chủ đầu tư: tổ chức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm và đưa vào sử dụng; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tổng Giám đốc về tính khách quan, minh bạch, trung thực, độ chính xác của kết quả nghiệm thu.

## 2.7. Quyết toán hoàn thành

a) Ngay sau khi dự án hoàn thành, chủ đầu tư thực hiện việc quyết toán theo hướng dẫn tại Mục 2 Chương III Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

b) Trách nhiệm của các đơn vị trong quyết toán

- Chủ đầu tư: kiểm tra, kiểm soát hồ sơ dự án (gồm hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ đấu thầu và hồ sơ kế toán) đảm bảo hồ sơ đầy đủ theo yêu cầu và lưu trữ theo đúng quy định của chế độ lưu trữ chứng từ hiện hành. Lập và gửi hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành về Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

- Vụ Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.

2.8. Trường hợp dự án có sản phẩm chưa sẵn có trên thị trường, nếu cần thiết chủ đầu tư xem xét báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Mục VII Công văn này để lựa chọn tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đề xuất giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ; xây dựng thử nghiệm dịch vụ.

Các tổ chức, cá nhân xây dựng dịch vụ thử nghiệm chịu mọi chi phí phát sinh (nếu có). Sau khi thử nghiệm thành công, xác định được giải pháp kỹ thuật công nghệ, chi phí, các đơn vị chủ đầu tư tiến hành các thủ tục theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục này. Quy trình triển khai thực hiện theo Phụ lục II Công văn này.

## VIII. Tổ chức thực hiện

1. Các Phó Tổng Giám đốc báo cáo Tổng Giám đốc trước khi phê duyệt theo thẩm quyền quy định tại Công văn này.

2. Trách nhiệm của các đơn vị

2.1. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam và Giám đốc BHXH các tỉnh, thành phố

trực thuộc trung ương có trách nhiệm thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn này và các quy định hiện hành của Nhà nước.

## 2.2. Vụ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện các nội dung của Công văn này.

b) Theo dõi, kiểm tra, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị; tổng hợp, báo cáo Tổng Giám đốc.

c) Thực hiện trách nhiệm của đơn vị đầu mối thẩm định theo hướng dẫn tại Công văn này.

## 2.3. Vụ Tài chính - Kế toán

a) Chủ trì, theo dõi nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí khác (ngoài nguồn chi ứng dụng công nghệ thông tin).

b) Thực hiện trách nhiệm của đơn vị theo hướng dẫn tại Công văn này.

## 2.4. Trung tâm Công nghệ thông tin

a) Giúp Tổng Giám đốc theo dõi, kiểm tra thực hiện chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong Ngành BHXH Việt Nam, bảo đảm đầu tư tập trung, đúng mục tiêu, có hiệu quả.

b) Phối hợp với Vụ Kế hoạch và Đầu tư tin hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện các nội dung của Công văn này.

c) Thực hiện trách nhiệm của đơn vị chuyên môn về công nghệ thông tin theo hướng dẫn tại Công văn này.

d) Thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ trì mua sắm, chủ trì thuê dịch vụ trong trường hợp Trung tâm Công nghệ thông tin được giao chủ trì thực hiện.

## 2.5. Đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ

a) Triển khai thực hiện đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo hướng dẫn tại Công văn này; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về quản lý hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin được giao chủ trì.

b) Thực hiện trách nhiệm của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, chủ trì mua sắm, chủ trì thuê dịch vụ theo hướng dẫn tại công văn này.

3. Các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Công văn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về BHXH Việt Nam để được hướng dẫn, giải quyết./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT, KHĐT (03b).

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thế Mạnh**



## PHỤ LỤC I

### HỆ THỐNG MẪU BIỂU SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG NGÀNH BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Công văn số 3780/BHXXH-KHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của  
Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư
Mẫu số 02	Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
Mẫu số 03	Báo cáo thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư
Mẫu số 04	Báo cáo thẩm định thiết kế cơ sở
Mẫu số 05	Báo cáo thẩm định thiết kế chi tiết (trường hợp lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật)
Mẫu số 06	Báo cáo thẩm định phê duyệt dự án
Mẫu số 07	Báo cáo thẩm định thiết kế chi tiết, dự toán (trường hợp thiết kế 02 bước)
Mẫu số 08	Báo cáo kết quả thẩm định chuyên môn CNTT kế hoạch thuê (trừ dự toán)
Mẫu số 09	Báo cáo kết quả thẩm định kế hoạch thuê

**Mẫu số 01**

**Tờ trình đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 3780/BHXH-KHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của  
Bảo hiểm xã hội Việt Nam)*

**CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN**  
**TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ..../TTr-....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư/thực hiện (Tên dự án/hoạt động  
ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án)**

**Kính gửi:** (Cấp có thẩm quyền)

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ về quản lý  
đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ .....

(Tên đơn vị trình) trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư... (tên dự  
án/hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án)...., với các nội dung  
chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN/HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG  
NGHỆ THÔNG TIN KHÔNG PHẢI LẬP DỰ ÁN**

1. Tên dự án/hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án: .....
2. Địa điểm: .....
3. Chủ đầu tư/chủ trì thực hiện: .....
4. Sự cần thiết phải đầu tư/thực hiện: .....
5. Mục tiêu đầu tư/thực hiện: .....
6. Quy mô đầu tư/nội dung và quy mô: .....
7. Dự kiến Tổng mức đầu tư/kinh phí: .....
8. Nguồn vốn/kinh phí: .....
9. Dự kiến thời gian thực hiện: .....

**II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT**

Kính trình (Cấp có thẩm quyền) xem xét, phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Mẫu số 02**

**Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 3780/BHXH-KHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)*

**CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN**  
**TÊN ĐƠN VỊ TRÌNH**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...*

**BÁO CÁO**

**Đề xuất chủ trương đầu tư/thực hiện dự án/hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án .....**

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan .....

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN/HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHÔNG PHẢI LẬP DỰ ÁN**

1. Tên dự án/hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án: .....
2. Dự án nhóm:.....
3. Người quyết định đầu tư dự án/ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án: .....
4. Tên chủ đầu tư/chủ trì thực hiện: .....
5. Địa điểm thực hiện: .....
6. Dự kiến Tổng mức đầu tư/kinh phí: .....
7. Nguồn vốn/kinh phí: .....
9. Dự kiến thời gian thực hiện: .....
8. Các thông tin khác (nếu có): .....

**II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN/HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHÔNG PHẢI LẬP DỰ ÁN**

**II.1 Đối với dự án**

1. Sự cần thiết đầu tư, cơ sở pháp lý cho việc thực hiện dự án (các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư, kiến trúc chính phủ điện tử);
2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư;
3. Sơ đồ bản vẽ, phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ sơ bộ;
4. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư để thực hiện dự án;

5. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn thực hiện từng năm, dự kiến các nội dung thực hiện theo năm.

6. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành;

7. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội;

8. Phân chia các dự án thành phần (nếu có);

9. Giải pháp tổ chức thực hiện.

## **II.2 Đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án**

1. Sự cần thiết thực hiện, cơ sở pháp lý cho việc thực hiện hoạt động (các điều kiện để thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư, kiến trúc chính phủ điện tử);

2. Mục tiêu, nội dung, quy mô và địa điểm;

3. Sơ đồ bản vẽ, phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ sơ bộ;

4. Dự kiến tổng mức kinh phí và cơ cấu nguồn kinh phí để thực hiện hoạt động;

5. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện, dự kiến kinh phí thực hiện theo năm, dự kiến các nội dung thực hiện theo năm;

6. Phương án tổ chức quản lý thực hiện, đưa vào vận hành, khai thác.

### **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Lưu ý:** Ngoài những thông tin cơ bản nêu trên, theo yêu cầu cung cấp thông tin đối với từng dự án/hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án, có thể bổ sung các nội dung khác theo quy định.

## Mẫu số 03

**Báo cáo thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư**  
(Ban hành kèm theo Công văn số 3780/BHXH-KHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của  
Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

**TÊN ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI  
THẨM ĐỊNH**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

### **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

**Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ thực hiện dự án/ hoạt động ứng dụng công  
nghệ thông tin không phải lập dự án.....**

**Kính gửi:** Cấp có thẩm quyền phê duyệt

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan .....

Cơ quan (Tên đơn vị thẩm định) nhận được Tờ trình số ... ngày ... tháng ... của Cơ quan (Tên đơn vị trình) trình thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ thực hiện dự án/ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án (tên hoạt động). Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cơ quan (tên đơn vị thẩm định) báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/ thực hiện dự án/ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án (tên hoạt động) như sau:

#### **I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN/HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN KHÔNG PHẢI LẬP DỰ ÁN**

1. Tên dự án/ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án: .....
2. Dự án nhóm: .....
3. Người quyết định đầu tư dự án/ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án: .....
4. Tên chủ đầu tư/ chủ trì thực hiện: .....
5. Địa điểm thực hiện: .....
6. Dự kiến Tổng mức đầu tư/ kinh phí: .....
7. Nguồn vốn/ kinh phí: .....
9. Dự kiến thời gian thực hiện: .....
8. Các thông tin khác (nếu có): .....

#### **II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**

1. Tờ trình thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của đơn vị trình.
2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
3. Tài liệu làm căn cứ xây dựng dự kiến tổng mức đầu tư/kinh phí.
4. Các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

### **III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN**

1. Ý kiến của đơn vị thứ nhất
  2. Ý kiến của đơn vị thứ hai
- .....

### **IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CỦA ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

1. Sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ
2. Sự cần thiết phải thực hiện nhiệm vụ
3. Mục tiêu thực hiện nhiệm vụ
4. Nội dung và quy mô đầu tư thực hiện nhiệm vụ
5. Dự kiến tổng mức đầu tư/kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ
6. Thời gian, tiến độ triển khai thực hiện nhiệm vụ

### **V. KẾT LUẬN**

1. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (tên hoạt động) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện để trình (cấp có thẩm quyền) phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.
2. Tổ chức thực hiện

Trên đây là ý kiến thẩm định của (tên đơn vị thẩm định), kính trình (cấp có thẩm quyền) xem xét phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư (tên hoạt động)

### **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

**Mẫu số 04**

**Báo cáo thẩm định thiết kế cơ sở**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 3780/BHXH-KHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)*

**ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

-----

Số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO**

**THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ THUỘC DỰ ÁN .....**

***Kính gửi:***.....

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định .....;

Căn cứ văn bản số ..... ngày ..... của ..... về chủ trương đầu tư dự án (nếu có);

Các căn cứ khác có liên quan,

(Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở) báo cáo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư ..... do ..... lập với các nội dung sau:

**I. Thông tin chung:**

1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu của dự án:

- Tên dự án: .....

- Cơ quan chủ quản: .....

- Chủ đầu tư: .....

- Địa điểm đầu tư: .....

- Đơn vị lập dự án: .....

- Đơn vị thực hiện khảo sát: .....

2. Hồ sơ trình thẩm định gồm: [Liệt kê danh mục hồ sơ].....

**II. Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở:**

1. Căn cứ thẩm định

2. Nội dung thẩm định

a) Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế cơ sở so với quy định của pháp luật, bao gồm: thuyết minh thiết kế cơ sở, các sơ đồ thiết kế cơ sở, các tài liệu khảo sát và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Sự phù hợp với quy hoạch, chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin;

c) Sự tuân thủ với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

d) Sự phù hợp của việc lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị.

đ) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật.

e) Sự phù hợp của thiết kế cơ sở trong việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan.

### **III. Các nội dung khác (nếu có):**

### **IV. Kết luận, kiến nghị:**

a) Nội dung thiết kế cơ sở do <đơn vị được giao chủ trì, chủ đầu tư dự án> lập đủ điều kiện (hay chưa đủ điều kiện) để xem xét phê duyệt dự án.

b) Trách nhiệm của <đơn vị được giao chủ trì, chủ đầu tư dự án> trong việc hoàn thiện thiết kế cơ sở dự án trước khi gửi về <Cơ quan đầu mối thẩm định> để thẩm định, trình phê duyệt:

c) Những kiến nghị:

(Cơ quan thẩm định) xin báo cáo kết quả thẩm định thiết kế sơ bộ dự án .....

**Nơi nhận:**

- ...  
- Lưu.

### **ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



**Mẫu số 05**

**Báo cáo thẩm định thiết kế chi tiết (trường hợp lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật)**  
(Ban hành kèm theo Công văn số 3780/BHXXH-KHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của  
Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

**ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

-----

Số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO**

**THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CHI TIẾT THUỘC DỰ ÁN .....**

***Kính gửi:*** .....

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 5/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định .....;

Căn cứ văn bản số ..... ngày ..... của .....  
về chủ trương đầu tư dự án (nếu có);

Các căn cứ khác có liên quan,

(Cơ quan thẩm định thiết kế cơ sở) báo cáo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư ..... do ..... lập với các nội dung sau:

**I. Thông tin chung:**

1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu của dự án:

- Tên dự án: .....

- Cơ quan chủ quản: .....

- Chủ đầu tư: .....

- Địa điểm đầu tư: .....

- Đơn vị lập dự án: .....

- Đơn vị thực hiện khảo sát: .....

2. Hồ sơ trình thẩm định gồm: [Liệt kê danh mục hồ sơ].....

**II. Kết quả thẩm định thiết kế:**

1. Căn cứ thẩm định

2. Nội dung thẩm định

a) Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế chi tiết so với quy định của pháp luật, bao gồm: các nội dung chính của thiết kế chi tiết, các tài liệu khảo sát và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

- b) Sự phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng;
- c) Sự tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh;
- d) Sự hợp lý của giải pháp, thiết bị (nếu có);
- đ) Sự phù hợp của biện pháp an toàn vận hành, phòng, chống cháy, nổ (nếu có).

### **III. Các nội dung khác (nếu có):**

### **IV. Kết luận, kiến nghị:**

- a) Nội dung thiết kế chi tiết do <đơn vị được giao chủ trì, chủ đầu tư dự án> lập đủ điều kiện (hay chưa đủ điều kiện) để xem xét phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
- b) Trách nhiệm của <đơn vị được giao chủ trì, chủ đầu tư dự án> trong việc hoàn thiện thiết kế chi tiết trước khi gửi về <Cơ quan đầu mối thẩm định> để thẩm định, trình phê duyệt:
- c) Những kiến nghị:  
(Cơ quan thẩm định) xin báo cáo kết quả thẩm định thiết kế chi tiết dự án  
.....

**Nơi nhận:**

- ....
- Lưu.

### **ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Mẫu số 06**

**Báo cáo kết quả thẩm định phê duyệt dự án**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 3780/BHXH-KHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)*

**[ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI THẨM ĐỊNH] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

**Dự án:** ..... [tên dự án]

**Kính gửi:** .....

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ hồ sơ dự án <tên dự án, nhiệm vụ, hạng mục> kèm theo Tờ trình số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của <chủ đầu tư>.....;

Sau khi thẩm định, [Đơn vị đầu mối thẩm định dự án] báo cáo kết quả thẩm định dự án [Tên dự án] ..... như sau:

**I. Thông tin chung**

1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu của dự án:

- Tên dự án: .....
- Dự án nhóm: .....
- Cơ quan chủ quản: .....
- Chủ đầu tư: .....
- Địa điểm đầu tư: .....
- Tổng mức đầu tư: .....
- Nguồn vốn: .....
- Tổ chức, cá nhân lập dự án: .....
- Tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát: .....

2. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

<Liệt kê danh mục hồ sơ> .....

## II. Kết quả thẩm định dự án:

1. Căn cứ thẩm định: .....

2. Nội dung thẩm định:

2.1. Sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ

2.2. Sự cần thiết đầu tư

2.3. Nội dung và quy mô

2.4. Phương án kỹ thuật, công nghệ

2.5. Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở

<Nêu kết quả thẩm định thiết kế cơ sở>

2.6. Tổng mức đầu tư

- Sự phù hợp của phương pháp xác định tổng mức đầu tư với đặc điểm, tính chất kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu của dự án;

- Tính đầy đủ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu thực tế của các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư;

- Sự phù hợp giữa khối lượng thiết kế cơ sở và khối lượng trong tổng mức đầu tư;

- Tính đúng đắn của việc áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật, mức chi phí, đơn giá; việc vận dụng định mức, đơn giá, phương pháp tính, các chế độ, chính sách có liên quan.

- Xác định giá trị tổng mức đầu tư bảo đảm hiệu quả đầu tư của dự án.

- Giá trị tổng mức đầu tư chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư đề nghị thẩm định	Kết quả thẩm định	Tăng (+) Giảm (-)
I	Chi phí xây lắp			
II	Chi phí thiết bị			
III	Chi phí quản lý			
IV	Chi phí tư vấn			
V	Chi phí khác có liên quan			
VI	Chi phí dự phòng			
	<b>Tổng cộng</b>			

- Nguyên nhân tăng, giảm: .....

- Những điều cần lưu ý: .....

2.7. Phân tích tài chính, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

2.8. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án

## 2.9. Các yếu tố đảm bảo tính khả thi của dự án

- a) Kinh nghiệm quản lý của Chủ đầu tư;
- b) Khả năng hoàn trả vốn đầu tư (nếu có yêu cầu thu hồi vốn đầu tư);
- c) Các yếu tố ảnh hưởng đến dự án như quốc phòng, an ninh.

## 2.10. Ý kiến bằng văn bản của các Cơ quan liên quan

### III. Kết luận, kiến nghị:

#### 1) Kết luận:

- Nội dung dự án do <chủ đầu tư dự án> lập đủ điều kiện (hay chưa đủ điều kiện) để phê duyệt.
- Trách nhiệm của <chủ đầu tư dự án> trong việc hoàn thiện dự án trước khi gửi về <Đơn vị đầu mối thẩm định> để trình phê duyệt:

#### 2) Những kiến nghị (nếu có):

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:...

#### **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI THẨM ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Mẫu số 07**

**Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế chi tiết, dự toán**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 3780/BHXH-KHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)*

**[TÊN CHỦ ĐẦU TƯ]  
[TÊN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH]**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH  
THIẾT KẾ CHI TIẾT, DỰ TOÁN  
DỰ ÁN .....**

- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Căn cứ (pháp lý khác có liên quan).

Sau khi thẩm định, (Tên đơn vị thẩm định) báo cáo kết quả thẩm định thiết kế chi tiết, dự toán dự án..... như sau:

**1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu của dự án:**

- a) Loại dự án: .....
- b) Phạm vi, quy mô triển khai dự án: .....
- c) Nguồn vốn đầu tư .....
- d) Nhà thầu lập thiết kế chi tiết, dự toán: .....
- đ) Nhà thầu thực hiện khảo sát: .....
- e) Nội dung thiết kế: .....

**2. Kết quả thẩm định thiết kế chi tiết:**

a) Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế chi tiết so với quy định của pháp luật, bao gồm: các nội dung chính của thiết kế chi tiết, các tài liệu khảo sát và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Sự phù hợp với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt và quy định của pháp luật có liên quan, trừ trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

c) Sự phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng;

d) Sự tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh;

đ) Sự hợp lý của giải pháp, thiết bị (nếu có);

e) Sự phù hợp của biện pháp an toàn vận hành, phòng, chống cháy, nổ (nếu có).

### 3. Kết quả thẩm định dự toán:

- a) Sự phù hợp giữa khối lượng thiết kế chi tiết và khối lượng dự toán;
- b) Sự phù hợp của việc áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật, mức chi, đơn giá; việc vận dụng định mức, đơn giá, phương pháp tính, các chế độ, chính sách có liên quan và các khoản mục chi phí trong dự toán theo quy định.

c) Kết quả thẩm định dự toán được tổng hợp như sau:

- Chi phí xây lắp: .....
- Chi phí thiết bị: .....
- Chi phí quản lý dự án: .....
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: .....
- Chi phí khác: .....
- Chi phí dự phòng: .....

Tổng cộng: .....

### 4. Kết luận:

- Đánh giá, nhận xét: .....
- Những kiến nghị: .....

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

#### ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Mẫu số 08**

**Báo cáo kết quả thẩm định chuyên môn về CNTT kế hoạch thuê**  
(Ban hành kèm theo Công văn số 3780/BHXXH-KHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của  
Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

**[ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH]**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

-----

Số: .....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CHUYÊN MÔN VỀ CNTT  
KẾ HOẠCH THUÊ: [Tên hoạt động thuê]**

***Kính gửi:*** .....

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ hồ sơ kế hoạch thuê của hoạt động thuê <tên hoạt động thuê> kèm theo Công văn số ..... ngày .... tháng.... năm .... của <đơn vị đề nghị>.....,

Căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi thẩm định, [Đơn vị thẩm định] báo cáo kết quả thẩm định chuyên môn về công nghệ thông tin kế hoạch thuê [Tên hoạt động thuê] như sau:

**I. Thông tin chung:**

1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu:

- Tên hoạt động thuê: .....
- Chủ trì thuê: .....
- Tổ chức tư vấn lập kế hoạch thuê (nếu có): .....
- Mục tiêu: .....
- Nội dung và quy mô: .....
- Địa điểm: .....
- Yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ theo yêu cầu riêng; mô tả yêu cầu cần đáp ứng của phần mềm nội bộ: .....
- Thời gian thuê và tiến độ, thời hạn xây dựng, phát triển, khai thác dịch vụ đặt hàng. ....

2. Hồ sơ trình thẩm định gồm:

[Liệt kê danh mục hồ sơ] .....



## **II. Kết quả thẩm định chuyên môn về CNTT:**

- a) Hiện trạng, sự cần thiết thuê dịch vụ;
- b) Các hạng mục chính cần thuê; mục tiêu, nội dung và quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ;
- c) Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin; yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ; yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác; mô tả yêu cầu cần đáp ứng của phần mềm nội bộ; yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác;
- d) Việc sở hữu các thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ và phương án quản lý, chuyển giao cho bên thuê;
- đ) Thời gian thuê và tiến độ, thời gian xây dựng, phát triển, hình thành dịch vụ;
- e) Yêu cầu về các phát sinh trong quá trình khai khác, sử dụng dịch vụ;

## **III. Kết luận và kiến nghị:**

Kế hoạch thuê dịch vụ do <đơn vị chủ trì thuê> trình đề xuất tại kế hoạch thuê <Tên của hoạt động/nhiệm vụ ứng dụng CNTT> đáp ứng/không đáp ứng theo các nội dung thẩm định chuyên môn về công nghệ thông tin. Đề nghị <đơn vị đầu mối thẩm định> tổng hợp, báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 09**

**Báo cáo kết quả thẩm định kế hoạch thuê**

*(Ban hành kèm theo Công văn số 3780/BHXXH-KHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)*

**[ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI THẨM  
ĐỊNH]**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH THUÊ: [Tên hoạt động thuê]**

**Kính gửi: .....**

<Đơn vị thẩm định> đã nhận văn bản số..... ngày.../.../20... của ..... đề nghị thẩm định, phê duyệt kế hoạch thuê của hoạt động thuê <Tên của hoạt động thuê> kèm theo hồ sơ trình.

**1. Các căn cứ thẩm định:**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan,

**2. Nội dung và chất lượng hồ sơ trình thẩm định:**

**2.1. Hồ sơ trình thẩm định gồm:**

- ..... ;  
- ..... ;

**2.2. Nhận xét:**

- ..... ;  
- ..... ;

**3. Kết quả thẩm định nội dung kế hoạch thuê**

a) Hiện trạng, sự cần thiết thuê dịch vụ;

b) Các hạng mục chính cần thuê; mục tiêu, nội dung và quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ;

c) Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin; yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ; yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác; mô tả yêu cầu cần đáp ứng của phần mềm nội bộ; yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác;

d) Việc sở hữu các thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ và phương án quản lý, chuyển giao cho bên thuê;

đ) Thời gian thuê và tiến độ, thời gian xây dựng, phát triển, hình thành dịch vụ;

e) Yêu cầu về các phát sinh trong quá trình khai khác, sử dụng dịch vụ;

#### **4. Kết quả thẩm định dự toán:**

- Tính đầy đủ, hợp lý của phương pháp xác định dự toán;

- Tính đầy đủ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu thực tế của các khoản mục chi phí trong dự toán.

- Giá trị dự toán chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán do <Chủ trì thuê> đề nghị thẩm định	Kết quả thẩm định	Tăng (+) Giảm (-)
I	Chi phí thuê dịch vụ theo yêu cầu riêng			
II	Chi phí quản lý			
III	Chi phí tư vấn			
IV	Chi phí khác			
V	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(Nội dung các khoản mục chi phí trong dự toán chi tiết như phụ lục kèm theo).

- Nguyên nhân tăng, giảm: .....

- Những điều cần lưu ý: .....

#### **4. Kết luận và kiến nghị:**

- Kế hoạch thuê do <Chủ trì thuê> trình đủ điều kiện (hay chưa đủ điều kiện) để phê duyệt.

- Trách nhiệm của <Chủ trì thuê> trong việc hoàn thiện kế hoạch thuê trước khi gửi về <Đơn vị đầu mối thẩm định> để trình phê duyệt.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI THẨM ĐỊNH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## PHỤ LỤC II

### QUY TRÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG THỬ NGHIỆM DỊCH VỤ THUÊ

(Ban hành kèm theo Công văn số 3780/BHXXH-KHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

#### I. Giải thích từ ngữ

- Chủ trì thuê: Là đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin.
- Đơn vị chủ trì thử nghiệm: Là đơn vị thụ hưởng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt giao nhiệm vụ chủ trì lựa chọn đơn vị thử nghiệm.
- Đơn vị có nhu cầu thuê dịch vụ công nghệ thông tin: là đơn vị có nhu cầu thử nghiệm, đề xuất thuê dịch vụ.

#### II. Quy trình triển khai thực hiện

1. Xác định dịch vụ công nghệ thông tin cần thuê có phải dịch vụ không sẵn có trên thị trường hay không;
2. Xem xét sự cần thiết và lựa chọn các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu, đề xuất giải pháp phương án kỹ thuật dịch vụ công nghệ thông tin;
3. Xây dựng, thử nghiệm dịch vụ công nghệ thông tin;
4. Đánh giá quá trình, nội dung thử nghiệm dịch vụ công nghệ thông tin;
5. Thông qua kết quả giải pháp kỹ thuật, công nghệ, chi phí của dịch vụ công nghệ thông tin.

TT	Trách nhiệm	Trình tự	Mô tả
1.	Đơn vị có nhu cầu thuê dịch vụ CNTT	Xác định nhu cầu	- Xác định sản phẩm dịch vụ CNTT cần thuê có dịch vụ chưa sẵn có trên thị trường hay không căn cứ trên cơ sở: dịch vụ CNTT được thiết lập, phát triển mới hoặc nâng cấp, mở rộng cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu theo yêu cầu đặc thù của cơ quan, đơn vị nhằm đáp ứng các yêu cầu đặc thù của cơ quan, đơn vị đó.
		Thuyết minh nhu cầu	- Đơn vị có nhu cầu thử nghiệm có trách nhiệm thuyết minh sự cần thiết việc nghiên cứu, đề xuất giải pháp phương án kỹ thuật dịch vụ CNTT, bao gồm yêu cầu nội dung, phạm vi, kế hoạch xây dựng, thử nghiệm dịch vụ CNTT; - Đơn vị có nhu cầu thử nghiệm xin ý kiến Trung tâm CNTT về tiêu chí dịch vụ như các tính năng, giải pháp kỹ thuật, công nghệ không có sẵn trên thị trường làm căn cứ trình cấp thẩm quyền được phép thử nghiệm.

2	Phó Tổng Giám đốc phụ trách đơn vị có nhu cầu thuê dịch vụ	Xem xét	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt chủ trương, tiêu chí, giao đơn vị chủ trì thử nghiệm.</li> <li>- Không đồng ý, chuyển đơn vị có nhu cầu thử nghiệm.</li> </ul>
3.	Đơn vị chủ trì thử nghiệm	Lựa chọn đơn vị thử nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo lựa chọn đơn vị thử nghiệm dịch vụ</li> <li>- Tổ chức đánh giá, lựa chọn đơn vị thử nghiệm</li> <li>- Thẩm định năng lực đơn vị thử nghiệm</li> <li>- Trình duyệt lựa chọn đơn vị thử nghiệm</li> </ul>
4.	Phó Tổng Giám đốc phụ trách đơn vị chủ trì thử nghiệm	Phê duyệt đơn vị thử nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định đơn vị thử nghiệm</li> <li>- Không đồng ý, chuyển lại đơn vị chủ trì thử nghiệm.</li> </ul>
5	Đơn vị chủ trì thử nghiệm/đơn vị thử nghiệm	Tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị chủ trì thử nghiệm và đơn vị thử nghiệm thực hiện thỏa thuận thử nghiệm;</li> <li>- Đơn vị thử nghiệm thực hiện thử nghiệm và báo cáo tình hình trong triển khai thử nghiệm. Tổng hợp kết quả từng nội dung thử nghiệm.</li> </ul>
		Đánh giá nội bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị chủ trì thực hiện thử nghiệm tổ chức đánh giá quá trình thử nghiệm</li> <li>- Đơn vị chủ trì thử nghiệm lấy ý kiến đánh giá của đơn vị có nhu cầu thuê dịch vụ với quá trình thử nghiệm và kết quả thử nghiệm để tổng hợp báo cáo.</li> </ul>
		Báo cáo kết quả	Đơn vị chủ trì thực hiện nghiệm thu báo cáo kết quả thử nghiệm với cấp có thẩm quyền quyết định
6.	Phó Tổng Giám đốc phụ trách đơn vị chủ trì thử nghiệm	Phê duyệt kết quả	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Căn cứ báo cáo kết quả thử nghiệm của đơn vị được giao chủ trì thực hiện thử nghiệm, cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả thử nghiệm</li> </ul>
7.	Đơn vị chủ trì thử nghiệm/đơn vị thử nghiệm	Kết thúc thử nghiệm	Xây dựng được tiêu chí kỹ thuật, công nghệ, dự toán kinh phí dịch vụ CNTT cho kế hoạch thuê dịch vụ CNTT